

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Số: 1104/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 18 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Mua sắm thuốc cấp bách
trong kế hoạch năm 2018 cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BYT ngày 05/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh, về thẩm quyền trong đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách Nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan Nhà nước, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh, về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Mua thuốc thuộc danh mục đấu thầu cấp cơ sở năm 2018 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Theo Báo cáo thẩm định số 199/BC-SYT ngày 14/5/2018 của Sở Y tế, về đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Mua sắm thuốc cấp bách chờ kết quả lựa chọn nhà thầu năm 2018 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh tại Tờ trình số 541/TTR-BVT ngày 08/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Mua sắm thuốc cấp bách trong kế hoạch năm 2018 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo*).

Điều 2. Giao Bệnh viện đa khoa tỉnh (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, thuốc mua phải hợp lệ, đúng các tiêu chí kỹ thuật; chất lượng và hạn dùng phải đảm bảo đúng quy định.

Giao Sở Y tế có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát Bệnh viện đa khoa tỉnh tổ chức thực hiện mua thuốc trong thời gian chờ kết quả lựa chọn nhà thầu năm 2018 theo đúng quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo cung ứng thuốc kịp thời phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu tại Phụ lục kèm theo Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT. (y_10)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



H'Yim Kđoh

Phụ lục 1: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án:

Mua sắm thuốc cấp bách trong kế hoạch năm 2017 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 104 /QĐ-UBND ngày 18 /5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC THUỐC GENERIC

(Kèm theo Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hoạt chất	Nhóm	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đóng gói	SDK hoặc GPNK	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I Thuốc thuộc danh mục không trùng thầu năm 2017 (đã đưa vào kế hoạch năm 2018)												
1	Methotrexat	2	50mg/2ml	Thuốc tiêm	Hộp 10 lọ x 2ml	VN2-222-14	Korea United Pharm. Inc	Hàn Quốc	Chai/Lọ/Ống	25	69.000	1.725.000
2	Paracetamol (acetaminophen)	3	150mg	Viên đặt	Hộp 2 vỉ x 5 viên thuốc đạn đặt hậu môn	VD-21236-14	Bidiphar	Việt Nam	Viên	1.400	1.587	2.221.800
3	Phenobarbital	5	100mg/ml	Thuốc tiêm	Hộp 5 vỉ x 10 ống	14/2017-P	Daihan	Hàn Quốc	Ống	410	11.500	4.715.000
4	Ephedrin (hydroclorid)	1	30mg/ml	Thuốc tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống, dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	VN-19221-15	Aguettant	Pháp	Ống	2.600	57.700	150.020.000
5	Pralidoxim iodid	5	500mg	Thuốc tiêm	Hộp 10 lọ	VN-16864-13	Binex Co	Hàn Quốc	Chai/Lọ/Ống	360	45.000	16.200.000
6	Diazepam	3	5mg	Viên uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24311-16	Vidipha	Việt Nam	Viên	3.200	180	576.000
II Thuốc thuộc danh mục cấp cơ sở năm 2018												
1	Acenocoumarol	3	4mg	Viên uống	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-25455-16	Davipharm	Việt Nam	Viên	1.800	1.976	3.556.800
2	Tenofovir (TDF)	3	300mg	Viên uống	Hộp 4 vỉ x 7 viên	QLĐB-447-14	Công ty TNHH dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	3.000	2.490	7.470.000
3	Acetazolamid	3	250mg	Viên uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-13361-10	Pharmedic	Việt Nam	Viên	1.000	735	735.000
4	Phenytoin	3	100mg	Viên uống	Hộp/6 vỉ x 10 viên	VD-22603-15	Pymepharco	Việt Nam	Viên	2.000	331	662.000
5	Erythropoietin	3	2000IU	Thuốc tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	QLSP-920-16	Cty TNHH Công nghệ sinh học Dược Nanogen	Việt Nam	Chai/Lọ/Ống	2.000	142.000	284.000.000
6	Kẽm Gluconat	3	70mg	Viên uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-26368-17	Bidiphar	Việt Nam	Viên	10.000	336	3.360.000
7	Gemcitabin	3	1g	Thuốc tiêm	Hộp 1 lọ	VD-21233-14	Bidiphar	Việt Nam	Chai/Lọ/Ống	13	682.083	8.867.079
8	Cloramphenicol + Xanh methylen	3	125mg + 20mg	Viên Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24394-16	Bidiphar	Việt Nam	Viên	2.000	450	900.000
9	Carboplatin	3	150mg/15ml	Thuốc tiêm	Hộp 1 lọ x 15ml dung dịch tiêm	VD-21239-14	Bidiphar	Việt Nam	Lọ	100	261.566	26.156.600

STT	Hoạt chất	Nhóm	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đóng gói	SDK hoặc GPNK	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
10	Nalidixic acid	5	500mg	Viên uống	H/10 vỉ x 10 viên	VD-23486-15	Agimexpharm	Việt Nam	Viên	750	692	519.000
11	Natri hyaluronat	5	0,1%, 5ml	Dung dịch/ hỗn dịch	Hộp 1 lọ 5ml dùng dịch nhỏ mắt	VN-12484-11; VN-20598-17	Dongkoo	Korea	Lọ	1.100	28.000	30.800.000
12	Ketamin	1	50mg/ml, lọ 10ml	Thuốc tiêm	Lọ/Ống 10ml	01/2016-P; VN-20611-17	Rotexmedica	Đức	Chai/Lọ/Ống	130	52.500	6.825.000
13	Hyaluronidase	5	1500UI	Thuốc tiêm	H/10	VN-14722-12	Huons	Hàn Quốc	Chai/Lọ/Ống	70	69.000	4.830.000
14	Nifedipin	3	30mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-11340-10	CT TNHH DP Vellpharm	Việt Nam	Viên	20.000	6.000	120.000.000
15	Salbutamol (sulfat)	1	100mcg/liều	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Hộp 1 bình xịt 200 liều	VN-18791-15	Glaxo Wellcome S.A; đóng gói tại GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd	Tây Ban Nha, đóng gói Úc	Bình xịt	50	76.379	3.818.950
16	Immune globulin kháng HbsAg	1	200UI/0,4ml	Thuốc tiêm	Hộp chứa 01 ống tiêm đóng sẵn 200IU/0,4ml	14801/QLD-KD; 13755/QLD-KD	Biotech Pharma GmbH	Đức	Chai/Lọ/Ống	20	1.700.000	34.000.000
17	Clopidogrel	4	75mg	Viên uống	H/3 vỉ x 10 viên, H/4 vỉ x 7 viên, Viên nén bao phim, Uống	VD-25233-16	Cty CP DP OPV	Việt Nam	Viên	10.000	3.550	35.500.000
18	Midazolam	1	5mg/1ml	Thuốc tiêm	Hộp 10 ống 1ml	VN-19061-15	Hameln	Đức	Ống	500	18.000	9.000.000
19	Dobutamin	1	250mg/20ml	Thuốc tiêm	hộp 1 lọ 20ml	VN-15324-12	Hameln	Đức	Ống	600	61.722	37.033.200
20	Granisetron hydrochlorid	1	1mg/ml	Thuốc tiêm	Hộp 10 ống	VN-19846-16	Hameln Pharmaceuticals GmbH- Germany	Đức	Ống	200	57.000	11.400.000
21	Paracetamol (acetaminophen)	2	1g/100ml	Thuốc tiêm truyền	Hộp 1 chai	VN-18485-14	Yuripa-pharm	Ukraina	Chai/Lọ/Túi	2.000	23.500	47.000.000
22	Pamidronat	1	30mg/2ml	Thuốc tiêm truyền	Hộp 1 lọ 10ml	VN-16185-13	Holopack Verpackungstechnik GmbH	Đức	Ống	20	931.000	18.620.000
Tổng cộng : 28 khoản												870.511.429



PHỤ LỤC 3: DANH MỤC THUỐC BIỆT DƯỢC

(Kèm theo Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nhóm	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đóng gói	SĐK hoặc GPNK	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Desferal	Deferoxamin	BDG	500mg	Thuốc tiêm/ Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 500mg	VN-20838- 17; VN- 16851-13	Wasserburger Arneimittelwerk GmbH, Đóng gói: Novartis Pharma Stein AG - Thụy Sĩ	Đức	Lọ	410	146.116	59.907.560
Tổng cộng: 1 khoản													59.907.560